

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư
2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số **30/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 09 tháng 10 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng cư trú tại Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa

thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức T có ba con chung là Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010, Nguyễn Thị Châm A sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012 và Nguyễn Duy K sinh ngày 08 tháng 11 năm 2015, ly hôn chị X đề nghị Tòa án giao con các con chung cho chị nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã vi phạm các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đức T. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010, Nguyễn Thị Châm A sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012 và Nguyễn Duy K sinh ngày 08 tháng 11 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị X nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ

khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 09 tháng 10 năm 2009, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị X và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị X có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Đức T có ba con chung là Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010, Nguyễn Thị Châm A sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012 và Nguyễn Duy K sinh ngày 08 tháng 11 năm 2015. Sau ly hôn, chị Xuyên có quan điểm được nuôi dưỡng các con chung, anh T không có quan điểm về con chung. Xét, các con chung hiện chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có quan điểm về con chung nên không có sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị X có công việc và thu nhập ổn định, nguyện vọng của con chung Nguyễn Thị Huyền T và Nguyễn Thị Châm A là được ở với chị X, con chung Nguyễn Duy K còn nhỏ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên nên giao con Nguyễn Thị Huyền T, Nguyễn Thị Châm A và Nguyễn Duy K cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Đức T không có quan điểm về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Đức T không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đức T.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010, Nguyễn Thị Châm A sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012 và Nguyễn Duy K sinh ngày 08 tháng 11 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị X đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004679 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã Đ, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên